

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 02/2019/LĐ-GĐT

Ngày 02/10/2019

V/v Tranh chấp đơn phương chấm dứt
HĐLĐ, yêu cầu tuyên bố HĐLĐ vô hiệu
và thanh toán tiền thuế thu nhập cá nhân

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang;

Các Thẩm phán: - Bà Đào Thị Xuân Lan;

- Ông Tống Anh Hào;

- Ông Lê Văn Minh;

- Ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án lao động, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Du Ngoc Bao (Dư Bảo N), sinh năm 1983; địa chỉ: 4605 Parkside Dr SE Lacey, WA 98503, USA; tạm trú tại: Số X, đường Y, phường Z, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Út B, sinh năm 1987; địa chỉ: Số X1, đường Y1, Phường Z1, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/5/2015).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần giải trí LP;

Địa chỉ: Số X2, đường Y2, Phường Z2, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Ngô Chiêu H; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm 1973; địa chỉ: Số X3, đường Y3, phường Z3, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/8/2015).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Doãn T, Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình làm việc tại Công ty cổ phần giải trí LP (sau đây gọi tắt là Công ty LP), bà Dư Bảo N và Công ty LP đã ký kết liên tiếp ba Hợp đồng lao động gồm:

Hợp đồng thứ nhất ký ngày 04/3/2014 với tên gọi là “Hợp đồng lao động dành cho đối tượng cộng tác viên”; thời hạn hợp đồng là 03 tháng, từ ngày 04/3/2014 đến ngày 03/6/2014, chức danh là Giám đốc phát triển kinh doanh, mức lương: 88.000.000đồng/tháng.

Hợp đồng thứ hai ký ngày 04/6/2014 với tên gọi là “Hợp đồng lao động dành cho đối tượng cộng tác viên”; thời hạn hợp đồng là 03 tháng, từ ngày 04/6/2014 đến ngày 03/9/2014, chức danh là Giám đốc phát triển kinh doanh, mức lương: 88.000.000đồng/tháng.

Hợp đồng thứ ba ký ngày 04/9/2014 với tên gọi là “Hợp đồng lao động thời vụ”; thời hạn hợp đồng là 06 tháng, từ ngày 04/9/2014 đến ngày 03/3/2015, chức danh là Giám đốc phát triển kinh doanh, mức lương: 88.000.000đồng/tháng.

Ngày 12/02/2015, Công ty LP có Thông báo số 01/2015/TB-HCNS với nội dung: *Hợp đồng thời vụ giữa bà N và Công ty sẽ kết thúc đúng thời hạn, kể từ ngày 04/3/2015. Bà N có trách nhiệm bàn giao công việc và tài sản thiết bị cho các cá nhân/bộ phận liên quan theo đúng quy định của công ty. Các khoản lương và phụ cấp (nếu có) sẽ được tính đến hết ngày 03/3/2015, sau khi hoàn tất các thủ tục bàn giao.*

Cùng ngày 12/02/2015, Công ty LP ban hành Thông báo số 001/2015/TB-HCNS cùng có nội dung như trên nhưng bằng hai thứ tiếng Việt – Anh.

Ngày 03/3/2015, bà N đã bàn giao công việc, hồ sơ tài liệu để nghỉ việc, có xác nhận của Tổng Giám đốc Công ty là bà Ngô Chiêu H. Công ty LP đã lập Bảng thanh toán lương cho nhân viên nghỉ việc, theo đó lương của bà N được tính đến ngày 03/3/2015.

Ngày 18/4/2015, ông Nguyễn Văn Đ, đại diện Văn phòng luật sư ĐT và Công ty LP lập Biên bản ghi nhớ liên quan đến sự việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty LP, với các nội dung sau (tóm tắt):

Công ty nhận thấy Hợp đồng lao động số 036/2014/TV-LP ký với bà Dư Bảo N là hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định tại Điều 22 Bộ luật Lao động. Công ty sẽ chi trả tiền lương cho 45 ngày báo trước kể từ ngày 12/02/2015

căn cứ nội dung email ngày 13/02/2015 giữa bà Dư Bảo N, Ngô Chiêu H và Trần Hoài Th. Bà Dư Bảo N sẽ hoàn tất các thủ tục quyết toán liên quan đến thuế thu nhập cá nhân và các khoản BHXH (nếu có).

Ông Nguyễn Văn Đ nêu rằng sẽ trao đổi và thuyết phục bà Dư Bảo N về thỏa thuận trên.

Ngày 20/4/2015, Công ty LP có Thông báo số 002/2015/TB-HCNS với nội dung (tóm tắt): Công ty điều chỉnh nội dung của Thông báo số 01/2015/TB-HCNS và số 001/2015/TB-HCNS ngày 12/02/2015 như sau:

1. Thời hạn chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà Dư Bảo N kể từ ngày 29/3/2015.

2. Lý do chấm dứt Hợp đồng lao động: Vị trí công việc của bà Dư Bảo N không còn do dự án hoạt động giai đoạn tháng 3/2014 đến tháng 2/2015 đã kết thúc.

Mọi nội dung tại Thông báo số 01/2015/TB-HCNS và số 001/2015/TB-HCNS ngày 12/02/2015 trái với văn bản này đều bị bãi bỏ”.

Ngày 20/4/2015, Công ty LP có thư mời bà N đến làm việc với Công ty về các nội dung: Làm rõ số liệu thuế thu nhập cá nhân của bà N với cơ quan thuế; làm rõ các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, bà N không đến Công ty làm việc theo giấy mời nêu trên.

Ngày 11/5/2015, bà N khởi kiện Công ty LP với các nội dung: Hợp đồng lao động số 036/2014/CTV-LP giữa bà và Công ty đã trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn; tại Biên bản ghi nhớ ngày 18/4/2015, Công ty LP cũng đã xác nhận như vậy. Do đó, việc Công ty LP thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với bà mà không có lý do, vi phạm quy định thời hạn báo trước là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Bà yêu cầu Tòa án buộc Công ty LP nhận trở lại làm việc, bồi thường cho bà 02 tháng tiền lương; trả lương trong những ngày không được làm việc (tạm tính là 02 tháng) và bồi thường khoản tiền do vi phạm thời hạn báo trước. Tổng cộng các khoản là 466.400.000 đồng.

Công ty LP trình bày: Bà N bắt đầu làm việc tại Công ty từ 04/3/2014 với vai trò là Giám đốc kinh doanh. Do bà N là Việt kiều, mang quốc tịch Mỹ nên bắt buộc phải có giấy phép lao động theo quy định của pháp luật. Bà Ngô Chiêu H, Giám đốc Công ty đã trao đổi sơ bộ với bà N về các giấy tờ cần thiết, nhưng bà N không cung cấp được tại thời điểm đó. Tuy nhiên, do yêu cầu cần nhân sự gấp nên giữa Công ty và bà N thỏa thuận ký hợp đồng cộng tác viên 03 tháng để bà N có thời gian bổ sung hồ sơ. Sau đó, Công ty đã nhiều lần yêu cầu bà N nộp các giấy tờ cần thiết để xin giấy phép lao động nhưng bà N không cung cấp. Đến tháng 2/2015 do tình hình kinh doanh không đạt mục tiêu đề ra, Công ty phải áp dụng một số biện pháp để cắt giảm chi phí, trong đó có việc không tái ký hợp đồng với bà N.

Việc này đã được nhất trí với Ban chấp hành Công đoàn lâm thời của Công ty, bà N đã bàn giao công việc và nhận lương trước khi nghỉ việc.

Công ty không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N và đề nghị Tòa án hủy 03 Hợp đồng lao động đã ký với bà N vì bà N không có giấy phép lao động, yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân mà Công ty đã chi trả trực tiếp cho bà N với số tiền tạm tính là 46.311.885 đồng.

Bản án lao động sơ thẩm số 1338/2015/LĐ-ST ngày 09-12-2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Dư Bảo N cho là Công ty cổ phần giải trí LP đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà N.

Không chấp nhận yêu cầu bà Dư Bảo N đòi Công ty LP nhận bà trở lại làm việc và khoản bồi thường tạm tính đến ngày 03/11/2015 là 994.400.000 đồng; hoặc không nhận bà N trở lại làm việc thì bồi thường thêm 02 tháng lương và trả trợ cấp thôi việc cho bà N là 1.258.400.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần giải trí LP; tuyên xử:

Các Hợp đồng lao động số 014/2014/CTV-LP ngày 04/01/2014, số 030/2014/CTV-LP ngày 04/6/2014 và số 036/2014/TV-LP ngày 04/9/2014 giữa bà Dư Bảo N và Công ty LP là vô hiệu toàn bộ.

Chấp nhận yêu cầu của Công ty LP đòi bà Dư Bảo N phải có trách nhiệm liên hệ với cơ quan thuế Thành phố Hồ Chí Minh để truy đóng cho hoàn tất các khoản thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương từ tháng 3/2014 đến tháng 3/2015 do Công ty cổ phần giải trí LP trả lương cho bà N theo mức lương 88.000.00 0đồng/tháng (dự tính khoản truy đóng là 30.999.924 đồng).

Kiến nghị với cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính đối với Công ty LP và bà Dư Bảo N do có hành vi ký kết hợp đồng lao động đối với người nước ngoài khi chưa có văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và người lao động nước ngoài chưa được cấp giấy phép lao động.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Bà Dư Bảo N phải nộp 1.129.997 đồng.

- Công ty cổ phần giải trí LP được hoàn lại tạm ứng án phí phản tố 200.000 đồng theo biên lai thu số 09502 ngày 02/11/2015 và số tiền 703.792 đồng theo biên lai thu số 09623 ngày 18/11/2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về vấn đề thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/12/2015, bà N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án lao động phúc thẩm số 03/2016/LĐ-PT ngày 02/8/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dư Bảo N. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 1338/2015/LĐ-ST ngày 09/12/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn tuyên về phần án phí và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 18/01/2017, bà N có đơn đề nghị xem xét bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm với nội dung: Bà sử dụng hộ chiếu mang quốc tịch Việt Nam nhập cảnh vào Việt Nam làm việc nên không thuộc đối tượng phải xin giấy phép lao động; Bản án phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty LP đòi bà truy đóng khoản tiền thuế thu nhập cá nhân là không đúng; Bà đã 03 lần giao kết hợp đồng với Công ty LP nên hợp đồng lao động của bà đã trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn, bà yêu cầu giải quyết việc bà bị Công ty LP đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật.

Tại Quyết định số 02/2019/KN-LĐ ngày 04/7/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án lao động phúc thẩm số 03/2016/LĐ-PT ngày 02/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án lao động phúc thẩm nêu trên và Bản án lao động sơ thẩm số 1338/2015/LĐ-ST ngày 09/12/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Hộ chiếu Việt Nam của bà N cấp ngày 12/8/2009 tại Washington DC, có giá trị đến ngày 12/8/2019 ghi rõ quốc tịch của bà N là quốc tịch Việt Nam. Cả ba Hợp đồng lao động mà bà N ký với Công ty LP đều ghi bà N có quốc tịch Việt Nam. Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ghi trong hợp đồng đều trùng khớp với thông tin có trên hộ chiếu Việt Nam của bà N. Như vậy, có căn cứ để xác định bà N có quốc tịch Việt Nam, sử dụng hộ chiếu Việt Nam để làm việc tại Công ty LP.

Tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 24/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/4/2000 quy định: “*Người nước ngoài là người không có quốc tịch Việt Nam*”. Khoản 1 Điều 3 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định: “*Người nước ngoài là người mang giấy tờ xác định quốc tịch nước ngoài và người*

không quốc tịch nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam”. Điều d, khoản 1 Điều 169 Bộ luật lao động quy định về điều kiện của lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam bao gồm: “*Có giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ trường hợp theo quy định tại Điều 172 của Bộ luật này*”.

Như vậy, pháp luật chỉ quy định công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam mới bắt buộc phải có giấy phép lao động. Bà N mang quốc tịch Việt Nam, ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty LP với danh nghĩa là người có quốc tịch Việt Nam nên không thuộc đối tượng phải có giấy phép lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm nhận định bà N là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, đã có quốc tịch Hoa Kỳ nên khi vào làm việc tại Việt Nam phải có giấy phép lao động; và xác định ba hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty cổ phần giải trí LP và bà N vô hiệu toàn bộ là không đúng quy định pháp luật.

[1.2] Cả 03 hợp đồng lao động được ký giữa bà N và Công ty LP đều không có nội dung nào đề cập đến việc bà N ký kết hợp đồng làm việc theo dự án mà các hợp đồng lao động đều chỉ ghi chức danh chuyên môn là Giám đốc phát triển kinh doanh. Các biên bản họp của Công ty LP cũng chỉ tổng kết kết quả kinh doanh của từng giai đoạn và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh của giai đoạn tiếp theo nên không đủ cơ sở xác định công việc của bà N tại Công ty LP là theo dự án.

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động, việc bà N và Công ty LP thỏa thuận thời hạn của hợp đồng ký lần thứ ba là 06 tháng là trái pháp luật. Cần phải xác định đây là hợp đồng lao động không xác định thời hạn mới đúng. Do vậy, Công ty LP chấm dứt hợp đồng lao động với bà N với lý do hợp đồng lao động hết hạn vào ngày 03/3/2015 là không đúng quy định của pháp luật.

Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với bà N, ngày 18/4/2015, Công ty LP và ông Nguyễn Văn Đ, đại diện Văn phòng luật sư ĐT lập Biên bản ghi nhớ liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty LP. Tại biên bản này, Công ty LP thừa nhận hợp đồng lao động lần thứ ba giữa bà N và Công ty LP là hợp đồng không xác định thời hạn. Tuy nhiên, Công ty LP vẫn tiếp tục ban hành Thông báo 002 ngày 20/4/2015 để chấm dứt hợp đồng lao động với bà N vào ngày 29/3/2015 (cộng thêm 45 ngày báo trước) cũng là không đúng theo quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động.

[1.3] Công ty LP phản tố yêu cầu bà N phải thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước vì trường hợp bà N không truy đóng tiền thuế thu nhập cá nhân thì Công ty LP sẽ phải chịu trách nhiệm nộp khoản thuế này cho Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ quy định về phản tố và yêu cầu của Công ty LP, chưa làm rõ khoản thuế thu nhập phải truy đóng là bao nhiêu mà đã xác định đây là yêu cầu phản tố của Công ty LP và buộc bà N phải chịu án phí đối với phần thuế thu

nhập cá nhân tạm tính là không có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là không đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2019/KN-LĐ ngày 04/7/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án lao động phúc thẩm số 03/2016/LĐ-PT ngày 02/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án lao động phúc thẩm số 03/2016/LĐ-PT ngày 02/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án lao động sơ thẩm số 1338/2015/LĐ-ST ngày 09/12/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án “tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thanh toán tiền thuế thu nhập cá nhân” giữa nguyên đơn là bà Dư Bảo N với bị đơn là Công ty cổ phần giải trí LP.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND TP Hồ Chí Minh (02 bản kèm HSVA);
- Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- LưuVP, Vụ GDKTIII, HSVA (02 bản), THS.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
PHÓ CHÁNH ÁN**

**Lê Hồng Quang
(Đã ký)**